

Số: 1280 /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường (Nghị định số 86/2012/NĐ-CP).

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và để giải quyết các khó khăn, vướng mắc nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện:

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã có công văn (02 lần) đề nghị các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định.

- Trên cơ sở báo cáo đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc; dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định.

- Ngày 05/11/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 3356/BKHCN-TĐC gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và một số Hội, Hiệp hội liên quan, đồng thời hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định này cũng được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. Căn cứ ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức tiếp thu ý kiến góp ý, họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập đối với dự thảo Nghị định và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định theo ý kiến góp ý.

Tuy nhiên, ngày 01/12/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được Công văn số 4458/BTP-PLDSKT đề ngày 27/11/2020 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị định nói trên. Theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ về căn cứ pháp lý và đề nghị thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 84, Điều 85 và Điều 87, Điều 89 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18, 19, 20, 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Đối với Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

Để triển khai Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành hơn 200 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật) và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng) cũng như hoạt động tôn vinh, khen thưởng về chất lượng cho các tổ chức, cá

nhân, trong đó có cả giải thưởng chất lượng quốc gia từ cấp địa phương đến trung ương. Qua gần 12 năm triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, thị trường trong nước đã có nhiều chuyển biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Nghị định số 74/2018/NĐ-CP về cơ bản đã giải quyết được các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

1.1. Kết quả đạt được

1.1.1. Đã quy định cụ thể việc xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với Bộ KH&CN để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Đây là căn cứ quan trọng để các Bộ, ngành xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn và quy định biện pháp quản lý phù hợp với từng loại sản phẩm, hàng hóa.

1.1.2. Đã quy định về thủ tục kiểm tra hàng hóa nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Theo đó, căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu cho phù hợp, cụ thể:

- a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;
- b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;
- c) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Đồng thời tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; việc miễn giảm kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm (việc kiểm tra căn cứ trên cơ sở kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật), thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa chỉ tối đa 01 ngày. Đồng thời, đã quy định đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Việc triển khai quy định nêu trên đã mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp, ví dụ như đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm

quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đã chuyển 91% nhóm sản phẩm, hàng hóa (với 93,3% loại sản phẩm cụ thể phân theo mã HS) do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý sang cơ chế hậu kiểm (áp dụng biện pháp quản lý theo điểm a, b nêu trên). Như vậy, trong năm 2019 và năm 2020, chi phí đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN chuyển sang cơ chế hậu kiểm đã giảm (bao gồm chi phí lưu kho, bãi; chi phí cho người đi làm thủ tục nhập khẩu), cụ thể: năm 2019 ước tính tổng chi phí giảm được cho các doanh nghiệp khoảng gần 590 tỷ đồng và năm 2020 tổng chi phí giảm được cho doanh nghiệp là hơn 830 tỷ đồng.

1.1.3. Đã quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp để bảo đảm hoạt động chỉ định được thực hiện thống nhất, tuân thủ theo đúng các quy định, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Quy định này đã giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong thời gian trước đây như còn có sự chồng chéo về quản lý giữa các Bộ, ngành; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp có năng lực không đáp ứng yêu cầu chuẩn mực của tổ chức đánh giá sự phù hợp; chưa quy định cách thức xử lý, xác định kết quả thử nghiệm trọng tài (thử nghiệm kiểm chứng) đối với trường hợp khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại hoặc khi phát hiện có dấu hiệu sai về kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được chỉ định thực hiện...

1.1.4. Đã quy định cụ thể hơn các nội dung về “Giải thưởng chất lượng quốc gia” để phù hợp với thực tế triển khai, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

1.1.5. Mã số mã vạch (MSMV) là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được sử dụng bởi tất cả các bên trong chuỗi cung ứng như nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng... Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kỹ thuật số MSMV là tiện ích đóng vai trò to lớn trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Trong quản lý chất lượng sản phẩm, MSMV là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.

Do đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch để phát huy được vai trò của mã số, mã vạch và quản lý thống nhất hoạt động này.

1.1.6. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm tăng thêm vai trò, trách

nhiệm đầu mối của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ như giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm tra về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa hàng năm đối với các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đưa ra cảnh báo hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý. Đồng thời, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng ký và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý theo thẩm quyền.

1.1.7. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phù hợp với các văn bản có liên quan (Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Nghị định quản lý phân bón...) và đề thống nhất với trách nhiệm về xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) của các Bộ quản lý chuyên ngành, giải quyết được các khó khăn, chồng chéo trong quản lý, hạn chế tối đa việc một mặt hàng chịu sự quản lý của nhiều Bộ, ngành.

1.1.8. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp để tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương như chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm tại địa phương về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa tại các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp, hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa tại địa phương để cảnh báo cho người tiêu dùng và các cơ quan hữu quan tại địa phương.

1.2. Một số nội dung của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cần nghiên cứu, xem xét điều chỉnh

1.2.1. Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay để giải quyết các nội dung vướng mắc sau:

a) Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) là làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.

b) Quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) nhưng không rõ quy định hàng không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và loại hình phi mậu dịch là loại hình gì, dẫn đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các hàng hóa này.

c) Bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa do Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu mới được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra.

1.2.2. Trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp¹ về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Theo đó, quy định này tạo thêm thủ tục hành chính, gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu phải mất thời gian để làm thủ tục trước khi xuất khẩu hàng hóa.

1.2.3. Bên cạnh đó, hiện nay hệ thống các văn bản pháp lý của Việt Nam về vấn đề truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn rất sơ khai, chủ yếu là các văn bản quy định, hướng dẫn nhằm giải quyết một phần yêu cầu của thực tiễn vận hành, quản lý đặt ra, chưa mang tính tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, đang tồn tại một số vấn đề bất cập trong quá trình triển khai truy xuất nguồn gốc thời gian qua.

1.2.4. Mặc dù Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Tuy nhiên, vẫn còn chồng chéo về trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng đối với “công trình

¹ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội Da giấy - Túi xách, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Parkerizing Hà Nội, Công ty TNHH Joyomark (Việt Nam), Công ty TNHH Shihen Việt Nam, Công ty TNHH Toyo Inn Compounds Việt Nam.

thể thao và quảng cáo ngoài trời”, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, chưa quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý (trừ vàng) và đá quý, ảnh hưởng quyền lợi của người tiêu dùng.

Do đó, việc nghiên cứu các yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg, ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp trong thời gian vừa qua về sử dụng mã số mã vạch nước ngoài, hoạt động truy xuất nguồn gốc và phân công trách nhiệm quản lý trong thời gian vừa qua để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế là cần thiết.

1.3. Về thủ tục hành chính xét tặng Giải thưởng chất lượng Quốc gia

Giải thưởng chất lượng Quốc gia (GTCLQG) là hình thức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. GTCLQG đã được triển khai từ năm 1995 đến nay và được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Sau gần 25 năm hoạt động, hình thành trong Phong trào Năng suất - Chất lượng, GTCLQG đã có những chuyển biến tích cực, các hoạt động về chất lượng được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để các doanh nghiệp bước vào giai đoạn hội nhập tích cực với thị trường quốc tế và khu vực.

Được bắt đầu từ năm 1996 chúng ta đã tổ chức bình chọn, xét tặng GTCLQG hàng năm cho các doanh nghiệp tiêu biểu. Đây là giải thưởng chính thức của Chính phủ dành cho các doanh nghiệp có hệ thống quản lý tốt, sản xuất - kinh doanh có hiệu quả. GTCLQG với hệ thống tiêu chí và cách thức đánh giá theo chuẩn mực quốc tế là một giải thưởng có uy tín với các doanh nghiệp trong nước và được đánh giá cao ở bình diện quốc tế và khu vực. Được lựa chọn trên cơ sở đề xuất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giải thưởng còn có mục đích xây dựng những điển hình tiêu biểu của địa phương nhằm động viên phong trào chất lượng trong phạm vi cả nước. Cùng với các hình thức tôn vinh khác dành cho doanh nghiệp, GTCLQG góp phần quan trọng vào hệ thống các giải pháp tổng thể để xây dựng, phát triển phong trào chất lượng của nước ta trong những năm vừa qua.

Qua 25 năm hoạt động của giải thưởng, đã có 2.035 lượt doanh nghiệp được trao tặng giải thưởng chất lượng, trong đó có 380 doanh nghiệp được trao tặng giải vàng và 294 doanh nghiệp được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng. Các doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2000 liên tục tham gia Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (GPEA). Đến năm 2020 đã có 49 doanh nghiệp Việt Nam được trao giải này.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai xét tặng GTCLQG theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có một số khó khăn, vướng mắc khi quá trình xét tặng giải thưởng được xem như là thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

Theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, việc xét tặng GTCLQG được tiến hành qua 02 cấp Hội đồng gồm Hội đồng sơ tuyển ở các địa phương và Hội đồng Quốc gia ở cấp Trung ương với quy định tại 02 thủ tục hành chính, bao gồm: Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng GTCLQG (thủ tục hành chính cấp tỉnh) do Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thực hiện và thủ tục xét tặng GTCLQG (thủ tục hành chính cấp Trung ương) do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện. Từ thực tiễn triển khai hoạt động GTCLQG hàng năm và thông tin phản ánh Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở Khoa học và Công nghệ), khi thực hiện quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ tham dự GTCLQG theo thủ tục hành chính thì có nhiều khó khăn, vướng mắc.

1.3.1. Đối với thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng GTCLQG tại Hội đồng sơ tuyển các tỉnh/thành phố (thủ tục hành chính cấp tỉnh):

- Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Bộ phận một cửa. Đồng thời, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP thì trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Trong khi tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, hoạt động GTCLQG không quy định thời gian cụ thể nên không thể xác định được thời gian trả kết quả cho doanh nghiệp tham dự GTCLQG.

- Theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Hội đồng sơ tuyển là cơ quan thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tham dự, xem xét, đánh giá và đề xuất với Hội đồng Quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề nghị tặng GTCLQG. Trong khi đó, thành viên của Hội đồng sơ tuyển là đại diện cho các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan tại địa phương, do cơ quan thường trực GTCLQG (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) thành lập, không có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, triển khai. Vì vậy, các địa phương gặp nhiều lúng túng khi triển khai hoạt động GTCLQG theo thủ tục hành chính.

- Hoạt động GTCLQG là hoạt động đặc thù, với nhiều yêu cầu khắt khe. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp có tâm lý ngại tham dự. Do đó, hàng năm, tại nhiều địa phương, ngoài việc tiếp nhận đăng ký tham dự GTCLQG của các doanh nghiệp, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng còn phải tiến hành lựa chọn các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tham dự để vận động tham dự. Đồng thời, Báo cáo tham dự GTCLQG được xây dựng theo 7 tiêu chí của GTCLQG, nên trong quá trình lập Báo cáo cần phải hướng dẫn nhiều lần mới có thể hoàn chỉnh Báo cáo. Trong khi đó, theo quy định, Bộ phận một cửa chỉ được hướng dẫn cho doanh nghiệp tham dự GTCLQG hoàn thiện và trả hồ sơ 01 lần. Nhiều doanh nghiệp sau khi nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa theo thủ tục hành chính có tâm lý đã hoàn tất quá trình tham dự. Vì vậy, khi liên hệ với doanh nghiệp để hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, Báo cáo tham dự GTCLQG, một số Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gặp rất nhiều khó khăn do có doanh nghiệp cho rằng việc hướng dẫn hoàn

thiện hồ sơ, báo cáo không phải là hoạt động hỗ trợ mà là việc gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Nhiều địa phương đang phấn đấu đưa các thủ tục hành chính lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Trong khi đó, thành phần hồ sơ tham dự GTCLQG rất nhiều, không thể nhận hồ sơ qua mạng vì hạ tầng không đáp ứng được. Một số địa phương đã tiến hành làm thủ tục để đưa hoạt động GTCLQG ra khỏi thủ tục hành chính của tỉnh (ví dụ tỉnh Khánh Hòa đã đưa hoạt động GTCQG ra khỏi danh sách thủ tục hành chính cấp tỉnh).

1.3.2. Đối với thủ tục xét tặng GTCLQG tại Cơ quan thường trực - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thủ tục hành chính cấp Trung ương):

- Hiện nay, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP không quy định các thời gian cụ thể cho trình tự các bước triển khai hoạt động GTCLQG tại thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp Trung ương (trừ thời hạn đối với việc lấy ý kiến hiệp ý của UBND cấp tỉnh). Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính thì hoạt động GTCLQG không đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản của một thủ tục hành chính (thiếu nội dung về thời hạn giải quyết).

- Về yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: hằng năm, Văn phòng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia tiếp nhận khoảng 80 - 90 bộ hồ sơ từ Hội đồng sơ tuyển các địa phương. Mỗi bộ hồ sơ khoảng từ 150 - 300 trang. Ngoài Báo cáo tham dự của doanh nghiệp, còn có các hồ sơ (Biên bản họp, công văn đề nghị, kết quả đánh giá của Hội đồng sơ tuyển, các xác nhận của cơ quan thuế, môi trường, bảo hiểm...) là các bản giấy có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chuyên môn (có dấu đỏ). Vì vậy, các Hội đồng sơ tuyển ở các địa phương gặp khó khăn trong việc số hóa các hồ sơ này.

Như vậy, có thể thấy rằng, qua thực tế triển khai hoạt động GTCLQG như một thủ tục hành chính, có một số khó khăn vướng mắc phát sinh, làm hạn chế sự phát triển của việc tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ dự kiến đưa vào dự thảo Nghị định nội dung quy định bãi bỏ thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng GTCLQG và thủ tục xét tặng GTCLQG ra khỏi danh mục thủ tục hành chính, đây cũng là nội dung rà soát phạm vi cải cách thủ tục hành chính của Bộ.

2. Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP

Để triển khai Luật Đo lường năm 2011, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định kiểm tra chuyên ngành; ban hành hơn 13 văn

bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, trong đó có Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường, Quyết định số 2284/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2018 về việc công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. Đồng thời, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Đo lường năm 2011 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường (trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn, phép đo...). Qua gần 8 năm triển khai thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, công tác quản lý nhà nước về đo lường đã có nhiều chuyển biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường đối với các phương tiện đo nhập khẩu đã có hiệu quả, góp phần vào việc hạn chế phương tiện đo nhập khẩu không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về đo lường, tăng tính chấp hành quy định pháp luật về đo lường bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong đo lường. Số lượng mẫu phương tiện đo nhập khẩu đã thực hiện thủ tục phê duyệt mẫu hằng năm đều tăng. Đặc biệt, sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2284/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2018 về việc Công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu thì số lượng phương tiện đo nhập khẩu tăng đột biến đến 70% trong năm 2019 thể hiện trong bảng dưới đây:

Năm	Số lượng phương tiện đo nhập khẩu	Tỷ lệ tăng (%)
2012	1.300	-
2013	1.317	1 %
2014	1.351	1 %
2015	2.167	60 %
2016	2.835	30 %
2017	3.100	9 %
2018	3.134	1%
2019	5.330	70%

Tuy nhiên, quá trình đánh giá của bộ, ngành, địa phương về thực trạng thi hành các quy định của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn quan đến hoạt động kiểm tra phương tiện đo nhóm 2 nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP như sau:

- Thời gian thử nghiệm mẫu để làm thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí có một số mặt hàng lên đến 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp;

- Không đủ kho, bãi để lưu giữ phương tiện đo, hàng hóa chờ thủ tục thông quan;

- Phát sinh nhiều chi phí cho doanh nghiệp khi làm thủ tục thông quan hàng hóa.

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg. Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn theo hướng: chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Quy định cụ thể này là Quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Do đó, việc nghiên cứu các yêu cầu tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và tiếp thu các kiến nghị của một số bộ, ngành, địa phương trong quá trình đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP là cần thiết, nhằm triển khai thực hiện quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thời gian vừa qua về sử dụng mã nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và phân công trách nhiệm quản lý chất lượng đối với các Bộ, ngành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

Thứ hai, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước; phù hợp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới hiện nay.

Thứ ba, thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN...

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Về phạm vi điều chỉnh

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu; về sử dụng mã số mã vạch nước ngoài; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và phân công trách nhiệm quản lý chất lượng đối với các Bộ, ngành; sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP liên quan đến quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA CÁC CHÍNH SÁCH TẠI NGHỊ ĐỊNH

1. Đối với các nội dung theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg

1.1. Chính sách về sửa đổi, bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa

a) Mục tiêu

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất tiêu thụ nội địa.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg thì Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu mới được miễn kiểm tra chất lượng. Như vậy, hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa không được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra. Do đó, cần bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

Giải pháp:

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bổ sung quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, sẽ quy định cụ thể các loại nguyên liệu được miễn kiểm tra nhập khẩu. Cụ thể đề xuất quy định như sau: *“Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng”*.

Lý do:

Hiện nay, các sản phẩm thực phẩm được quản lý theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Khái niệm “nguyên liệu” tại Luật An toàn thực phẩm được hiểu là các nguyên liệu nhập khẩu về chỉ để sản xuất thực phẩm (ví dụ bột mì, đường...).

Còn các sản phẩm khác (bao gồm rất nhiều loại hàng hóa nhóm 2 khác nhau) hiện nay được quản lý theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018. Theo đó, sản phẩm thành phẩm (nhưng được hiểu là nguyên liệu) được nhập khẩu về để sản xuất ra sản phẩm khác (ví dụ thép nhập khẩu về để sản xuất các mặt hàng công nghiệp; linh kiện ô tô, xe máy nhập khẩu để lắp ráp ô tô, xe máy; mặt hàng dệt may nhập khẩu để sản xuất quần áo...). Do đó, nếu quy định miễn kiểm tra sản phẩm này (được hiểu là nguyên liệu để sản xuất sản phẩm khác) thì cơ quan quản lý nhà nước sẽ khó kiểm soát hàng hóa nhóm 2, doanh nghiệp nhập khẩu sẽ cố tình tìm cách để không phải thực hiện biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.

Trên cơ sở đánh giá các phương án lựa chọn, dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, sẽ quy định cụ thể các loại nguyên liệu được miễn kiểm tra nhập khẩu như nêu trên.

1.2. Chính sách về sửa đổi, bổ sung khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) liên quan đến quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa

a) Mục tiêu

Tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu quản lý của Nhà nước.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy

định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) là làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.

Giải pháp:

Phương án 1: kiến nghị giữ nguyên quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Lý do:

Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm gắn liền áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân (áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra hàng nhập khẩu), cụ thể:

- Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm (khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)), thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa chỉ tối đa 01 ngày.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Đồng thời, ngày 09/11/2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành, trong đó đã làm rõ quy định nêu trên và trình tự, thủ tục để được miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu để cơ quan kiểm tra, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, *trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người nhập khẩu nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng cho cơ quan kiểm tra chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, không phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm b khoản 2a và điểm b khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.*

Do đó, giải pháp này sẽ giúp cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (được áp dụng

biện pháp hậu kiểm quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) trong trường hợp *doanh nghiệp nhập khẩu không thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng hàng hóa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia*, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Phương án 2: kiến nghị bỏ quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Nếu theo phương án này thì yêu cầu Cơ quan hải quan phải chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu của người nhập khẩu khi khai báo hải quan hoặc quy định người nhập khẩu bắt buộc phải thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia để cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.

Lý do:

Phương án sẽ tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng cơ quan hải quan phải đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với các Bộ, ngành hoặc quy định người nhập khẩu bắt buộc phải thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia.

1.3. Chính sách về quy định cụ thể đối với hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)

a) Mục tiêu

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định việc miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch). Tuy nhiên, hiện nay không rõ quy định hàng không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và loại hình phi mậu dịch là loại hình gì, dẫn đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các hàng hóa này.

Giải pháp:

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giao cho Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung này. Trường hợp không ban hành được quy định này thì kiến nghị bãi bỏ quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch).

Lý do:

- Điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định *các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật.*

- Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).

Vì vậy, hiện nay không có quy định của pháp luật về loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch).

1.4. Chính sách về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP liên quan đến quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện do nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu

a) Mục tiêu

Cắt giảm thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu quản lý của Nhà nước.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Theo quy định tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP thì phương tiện do nhóm 2 nhập khẩu phải có quyết định phê duyệt mẫu trước thông quan. Tuy nhiên, thời gian thử nghiệm để thực hiện thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí lên đến 60-90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa. Ngoài ra, việc kiểm tra tại khâu thông quan là không cần thiết vì tại thời điểm làm thủ tục thông quan hàng hóa chưa được sử dụng ngay nên chưa ảnh hưởng ngay đến sức khỏe, an toàn lao động...

Đồng thời, đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, hiện nay chưa ban hành Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nên không có thủ tục kiểm tra nhà nước về đo lường đối với lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

Giải pháp:

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bãi bỏ nội dung quy định kiểm tra phương tiện do nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại các cửa khẩu và bỏ quy định cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện do nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu phù hợp quy định.

Lý do:

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg.

- Trường hợp khi có nhiều phương tiện đo chưa được thông quan, sẽ không đủ kho, bãi để lưu giữ phương tiện đo, phát sinh nhiều chi phí như lưu kho, đi lại làm thủ tục thông quan, gây tốn nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

- Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu, hiện tại Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành được Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 vì các nước ASEAN cũng như các quốc gia khác trong Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML) còn đang nghiên cứu, chưa thống nhất về việc ban hành Danh mục này. Do vậy, hiện nay chưa phát sinh nhiệm vụ kiểm tra nhà nước đối lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

2. Các nội dung khác

2.1. Nội dung về bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP):

a) Mục tiêu

Cắt giảm thủ tục hành chính, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Hiện nay, Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài. Theo đó, tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận sử dụng mã số nước ngoài phải lập hồ sơ gửi cơ quan thường trực về mã số, mã vạch để được xem xét, cấp Giấy xác nhận sử dụng mã nước ngoài.

Ngày 04/11/2020, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật về sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài để phù hợp thực tiễn sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam và bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tại Công văn số 9208/VPCP-KGVX).

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Giải pháp:

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều

19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp.

Lý do:

Để thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9208/VPCP-KGVX ngày 04/11/2020 và kiến nghị của các Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19 hiện nay.

2.2. Chính sách sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP

a) Mục tiêu

Triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Quyết định số 100/QĐ-TTg và có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua và để bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định cụ thể về hoạt động truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên, tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã quy định nghĩa vụ của người sản xuất, nhập khẩu, người bán hàng như sau: (i) tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa để duy trì chất lượng; (ii) thông báo điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật; (iii) áp dụng các biện pháp để duy trì chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu trữ, bảo quản. Quy định này cũng phù hợp với khái niệm về truy xuất nguồn gốc (truy xuất nguồn gốc là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh) được quy định tại TCVN 12850:2019 *Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc*.

Để triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng như nhận thức được lợi ích của việc truy xuất nguồn gốc trong tình hình kinh tế trong và ngoài nước thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100). Quyết định số 100/QĐ-TTg đã giao trách nhiệm cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng các văn bản, quy định về quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; xây dựng, vận hành và quản lý Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Giải pháp:

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Lý do:

- Triển khai quy định tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Quyết định số 100/QĐ-TTg và có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua như (i) hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc của Việt Nam chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất; (ii) tem truy xuất nguồn gốc áp dụng trên các sản phẩm hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức; (iii) các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện tại mang tính khép kín, không có khả năng tương tác, liên kết, chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác; (iv) thông tin truy xuất nguồn gốc chưa đáp ứng đúng yêu cầu về truy xuất (không duy trì một hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm thu thập và bổ sung thêm các thông tin sự kiện liên quan đến sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng).

- Việc bổ sung quy định quản lý về truy xuất nguồn gốc trong Nghị định số 132/2008/NĐ-CP sẽ mang lại các hiệu quả thiết thực như sau:

+ Xác định những nhiệm vụ cần triển khai, phương án và phân công trách nhiệm Bộ, ngành, các bên liên quan trong quá trình quản lý và thực thi hoạt động truy xuất nguồn gốc một cách bài bản, hiệu quả.

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc.

+ Tiến hành các biện pháp cần thiết như đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về truy xuất nguồn gốc.

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam chủ động xây dựng, triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mã số mã vạch theo chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

+ Quản lý các sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam (do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam) bảo đảm an toàn cho người sử dụng ở thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Thống nhất nguyên tắc, phương thức truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa nâng cao quản lý chất lượng, an toàn, vệ sinh sản phẩm, hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm, hàng hóa có chất lượng, đúng nguồn gốc xuất xứ.

- Phù hợp với thực tiễn quản lý, bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới và trình độ phát triển công nghệ hiện nay trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

2.3. Chính sách về sửa đổi, bổ sung điểm l và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)

a) Mục tiêu

Thông nhất trách nhiệm quản lý chất lượng giữa các Bộ, ngành, tránh chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý, đá quý, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch liên quan đến quản lý “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” và bất cập trong thực tế triển khai việc quản lý chất lượng đối với sản phẩm kim loại quý, đá quý.

Giải pháp:

Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm l và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) theo hướng bãi bỏ trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và giao Bộ Xây dựng quản lý; bổ sung trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý chất lượng đối với mặt hàng “*kim loại quý và đá quý*”.

Lý do:

Đối với “công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời”:

- Theo ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở. Tại điểm c khoản 2 (Công trình công cộng) của Phụ lục 1 - Phân công phân loại công trình xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng) quy định “*c) Công trình thể thao: Công trình thể thao ngoài trời, công trình thể thao trong nhà và công trình thể thao khác*”.

Việc xây dựng màn hình truyền quảng cáo ngoài trời, biểu hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có sẵn ***phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương*** trong

những trường hợp sau đây: a) *Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông trở lên*, b) *Xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn*; c) *Bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông trở lên* (khoản 2 Điều 31 Luật Quảng cáo năm 2012).

Chủ sở hữu phương tiện quảng cáo ngoài trời có trách nhiệm: *khảo sát kỹ thuật, báo cáo về hiện trạng tuân theo các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng tại địa phương; thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ theo quy định và đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện quảng cáo ngoài trời trong suốt thời gian thi công, xây dựng, lắp đặt cũng như thời gian tồn tại của phương tiện quảng cáo ngoài trời* (tại khoản 1.3 Điều 3. Quy định về quản lý của QCVN 17:2018/BXD về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Theo Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, theo đó về đối tượng quảng cáo ngoài trời thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương và tổ chức thẩm định sản phẩm quảng cáo theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” đã được giao cho Bộ Xây dựng.

Đối với “kim loại quý và đá quý”:

Trong giai đoạn trước đây, việc quản lý hoạt động liên quan đến lĩnh vực đá quý được thực hiện theo *Quy chế quản lý các hoạt động trong lĩnh vực đá quý* ban hành kèm theo Nghị định số 65/CP ngày 13/10/1995 của Chính phủ (Nghị định 65/CP). Theo đó, các tổ chức có hoạt động liên quan tới lĩnh vực đá quý phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 65/CP và các văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 65/CP.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy định về trách nhiệm quản lý kim loại quý (trừ vàng thuộc trách nhiệm quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và đá quý nên trong thời gian vừa qua chưa có căn cứ để triển khai quản lý chất lượng đối với các mặt hàng này, dẫn đến chất lượng các mặt hàng này đang bị thả nổi, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng.

Do đó, kiến nghị quy định rõ được trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng “*kim loại quý, đá quý*” cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, làm căn cứ để triển khai công tác quản lý chất lượng, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH CHÍNH PHỦ XEM XÉT, BAN HÀNH

Bộ Khoa học và Công nghệ dự kiến trình Chính phủ xem xét cho ý kiến và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc vào tháng 8 năm 2021.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Với các đề xuất chính sách nêu trên, dự thảo Nghị định không làm phát sinh tổ chức, bộ máy khi triển khai thực hiện Nghị định. Đồng thời, giúp tiết kiệm chi phí do: cắt giảm thủ tục hành chính về kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại các cửa khẩu và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài; thống nhất đầu mối triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc; thống nhất về trình tự, nội dung xử lý vi phạm và trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành.

Bộ Khoa học và Công nghệ gửi kèm theo Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Đề cương dự thảo Nghị định, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép bãi bỏ thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng chất lượng Quốc gia và thủ tục xét tặng Giải thưởng chất lượng Quốc gia ra khỏi danh mục thủ tục hành chính./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Vụ PL) (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, TĐC.



Huỳnh Thành Đạt